

# BAO NUNG GỐM THỜI LÝ (THẾ KỶ XI - XIII) PHÁT HIỆN TẠI KHU DI TÍCH HOÀNG THÀNH THĂNG LONG

PHẠM THỊ OANH \*

## 1. Mở đầu

Bao nung gốm là một dụng cụ dùng để chứa đựng các sản phẩm gốm sứ trong quá trình nung đốt, được làm từ vật liệu chịu lửa có kích thước, hình dạng thích hợp với đồ gốm sứ cũng như lò nung, có công năng che chắn, ngăn cách, bảo vệ sản phẩm gốm sứ không tiếp xúc trực tiếp với ngọn lửa tránh bụi lò hoặc các tác nhân khác làm ảnh hưởng đến chất lượng đồ gốm. Yêu cầu cơ bản của bao nung gốm là có độ bền, độ chịu nhiệt cao.

Tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long, bên cạnh các dấu vết của nhiều công trình kiến trúc, đồ gốm, vật liệu và các di vật khác thì còn phát hiện được một số lượng lớn bao nung, dụng cụ sản xuất, gốm phế thải. Đây là những loại hình di vật được người xưa tận dụng để san lấp, tôn tạo nền móng khi xây dựng các công trình kiến trúc.

Trong số những dụng cụ sản xuất gốm phát hiện tại khu di tích thì bao nung có số lượng lớn nhất. Tuy nhiên, nghiên cứu bao nung gốm là đề tài khá mới mẻ chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu. Mặc dù bao nung gốm được phát hiện với số lượng lớn tại các lò gốm ở Bắc Việt Nam qua các cuộc khai quật, điều tra khảo cổ học và đã được đề cập đến trong các báo cáo khai quật, các bài viết trên diễn đàn khoa học nhưng chưa được nghiên cứu bài bản. Các nghiên cứu về bao nung gốm mới chỉ dừng lại ở những con số thống kê về số lượng, chưa làm sáng rõ được các vấn đề về loại hình, kỹ thuật sản xuất, cũng như chưa đánh giá được vai trò, giá trị của nó trong nghiên cứu kỹ thuật sản xuất gốm. Hiện nay, các di vật bao nung còn lưu lại sau các đợt khai quật tại các lò gốm còn rất ít nên khó khăn trong tiếp cận nghiên cứu. Chính vì vậy để phân định chính xác niên đại cũng như hệ thống hóa về loại hình học bao nung gốm phát hiện tại khu di tích ngoài áp dụng phương pháp, quy trình nghiên cứu, chỉnh lý và lập hồ sơ khoa học về di vật trong khảo cổ học đô thị, còn phải áp dụng nhiều phương pháp liên ngành như: Toán học thống kê, phương pháp logic, đặc biệt vận dụng phương pháp nghiên cứu so sánh với các di tích khác như: Cồn Chè, Cồn Thịnh (Nam Định), Kim Lan (Hà Nội) và các lò gốm ở Hải Dương. Trong đó, chúng tôi chú trọng vào nghiên cứu những bao nung còn dính gốm sứ, con kê, bột chống dính. Trên cơ sở nghiên cứu đồ gốm sứ, con kê, bột chống dính để xác định niên đại cho bao nung và xây dựng các tiêu chí phân loại. Đây là phương pháp hiệu quả chính xác và được xem là giải pháp tối ưu nhất. Kết quả nghiên cứu đạt được các thành tựu như: phân kỳ niên đại, hệ thống hóa loại hình bao nung. Bài viết công bố một phần kết quả nghiên cứu về bao nung tại khu di tích trong giới hạn niên đại thời Lý, trong đó, tập trung làm rõ các vấn đề về loại hình, đặc trưng và vai trò của nó trong nghiên cứu gốm cổ Việt Nam.

\* Viện Khảo cổ học

## 2. Loại hình

Bao nung thời Lý phát hiện tại khu di tích có số lượng lớn với 40.893 hiện vật chủ yếu bị vỡ mảnh, gồm: 1.405 hiện vật đủ dáng, 11.165 mảnh miệng, 12.188 mảnh thân, 16.135 mảnh đáy. Bao nung có hai phần gồm nắp đáy và phần thân (*Bảng 1*). Khi xếp nung, nắp và thân được sử dụng độc lập nhau, thân được chồng trực tiếp lên nhau, nắp chỉ dùng để đáy bao nung ở trên cùng của chồng. Cho nên khi nghiên cứu bao nung gốm, người ta chú trọng phần thân bao nung bởi chúng chứa đựng nhiều thông tin về kỹ thuật sản xuất, kích thước sản phẩm gốm,.... Bao nung thời Lý phát hiện tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long là những bao nung có niên đại sớm nhất trong lịch sử gốm sứ Việt Nam. Nghiên cứu những mảnh gốm sứ còn dính trên bao nung cho thấy những bao nung này có niên đại sớm nhất từ thế kỷ XI và muộn nhất là thế kỷ XIII.

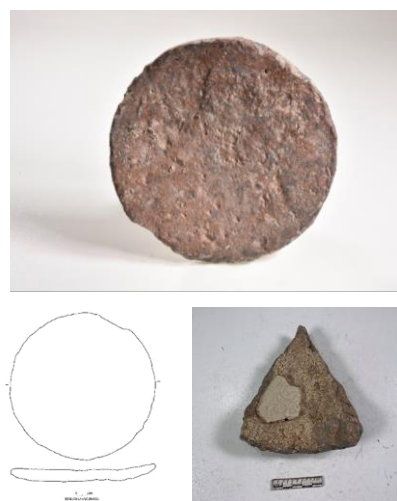
**Bảng 1. Loại hình bao nung thời Lý, thế kỷ XI-XIII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long**

| STT       | Loại hình        | Số lượng (hiện vật) |         |         |        |        |        | Tổng cộng |
|-----------|------------------|---------------------|---------|---------|--------|--------|--------|-----------|
|           |                  | Nguyên              | Đủ dáng | Mảnh vỡ |        |        |        |           |
|           |                  |                     |         | Miệng   | Thân   | Đáy    | Tổng   |           |
| 1         | Nắp đáy bao nung |                     | 245     | 327     |        |        | 327    | 572       |
| 2         | Thân bao nung    |                     | 1.160   | 10.838  | 12.188 | 16.135 | 39.161 | 40.321    |
| 2.1       | Loại I           |                     | 48      | 102     |        | 53     | 155    | 203       |
| 2.2       | Loại II          |                     | 2       | 47      | 2      |        | 49     | 51        |
| 2.3       | Loại III         |                     | 56      | 137     |        |        | 137    | 193       |
| 2.4       | Loại IV          |                     | 775     | 3.135   | 5      | 2      | 3.142  | 3.917     |
| 2.5       | Loại V           |                     | 275     | 6.730   |        | 2      | 6.732  | 7.007     |
| 2.6       | Loại VI          |                     | 4       |         |        | 3      | 3      | 7         |
| 2.7       | KXĐ loại kiểu    |                     |         | 687     | 12.181 | 16.075 | 28.943 | 28.943    |
| Tổng cộng |                  |                     | 1405    | 11.165  | 12.188 | 16.135 | 39.488 | 40.893    |

(Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh thành)

### 2.1. Nắp đáy bao nung

Nắp đáy bao nung có số lượng ít hơn nhiều so với phần thân với 572 hiện vật, gồm 245 hiện vật đủ dáng và 327 mảnh miệng. Nắp đáy bao nung có hình tròn dẹt, có 2 kiểu miệng: (1) mép miệng được vê bo tròn, nhẵn (*Hình 1*); (2) mép miệng được vuốt hoặc gọt tạo cạnh. Nắp có xương khá mỏng, màu xám đen, đỏ gạch, hoặc trắng xám, có nhiều hạt màu đen, trắng được nghiền nhỏ, đan chắt. Ở thời kỳ này, cả phần nắp và thân bao nung đều có sự tương đồng về chất liệu. Nắp có kích thước trung bình: Đường kính miệng từ 18 - 25,8cm, dày từ 1-2,5cm. Các thời từ Lý đến Trần, Lê sơ, loại hình nắp đáy bao nung đều giống nhau phổ biến là hình tròn dẹt cho nên việc xác định niên đại tương đối khó khăn. Dựa vào đồ gốm dính trên một số mảnh nắp chúng tôi xác định được niên đại tương đối chính xác, từ đó xây dựng các tiêu chí chung cho



**Hình 1. Nắp đáy bao nung thời Lý, thế kỷ XI-XIII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long**

(Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh thành)

phân loại chính lý loại hình này. Nắp bao nung thời Lý nhìn chung đều có các đặc điểm như: Độ dày mỏng hơn thời Trần và Lê sơ. Đặc biệt, bề mặt nắp thời kỳ này được chú trọng vuốt nhẵn, phần mép được vuốt bo, gọt tỉ mỉ hơn.

## 2.2. Thân bao nung

Thân bao nung chiếm số lượng chủ yếu với 40.321 hiện vật, phần lớn bị vỡ nhỏ, gồm: 1.160 hiện vật đủ dáng, 10.838 mảnh miệng, 12.188 mảnh thân và 16.135 mảnh đáy. Thân bao nung có số lượng lớn gấp nhiều lần so với nắp đáy, lý do là người xưa chôn xếp trực tiếp thân bao nung lên nhau, chỉ bao nung trên cùng mới cần phải dùng đến nắp đáy.

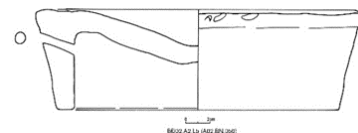
Thân bao nung thời Lý phong phú về hình dáng, đa dạng về kích thước, chất liệu. Dựa trên tiêu chí về hình dáng, thân bao nung được chia thành 06 loại: Loại hình chữ “M”; loại hình thang 1 (bao nung hình thang cân có đường kính đáy nhỏ hơn đường kính miệng); loại hình thang 2 (bao nung hình thang cân có đường kính đáy lớn hơn đường kính miệng); loại hình trụ, thành thấp; loại hình trụ, thành cao và loại bao nung hình “vuông/ chữ nhật”. Trong đó loại bao nung hình trụ, thành thấp và hình trụ, thành cao chiếm số lượng lớn, các loại còn lại có số lượng ít (Bảng 1). Nếu tính tổng số phần thân bao nung xác định được loại kiểu là 11.378 hiện vật thì tỷ lệ mỗi loại bao nung như sau: Bao nung hình trụ, thành cao chiếm 61,6%, bao nung hình trụ thành thấp chiếm 34,4%, bao nung hình chữ M chiếm 1,8%, bao nung hình thang 2 chiếm 1,7%, bao nung hình thang 1 chiếm 0,4% và bao nung hình vuông/ hình chữ nhật chiếm 0,06%.

Mỗi loại bao nung thời Lý lại có nhiều kiểu khác nhau về kích thước, kỹ thuật tạo miệng, chất liệu. Ngoài ra, còn có 28.943 mảnh vỡ chủ yếu là những mảnh miệng, thân, đáy vỡ nhỏ không xác định được loại kiểu. Chi tiết của các loại hình bao nung như sau:

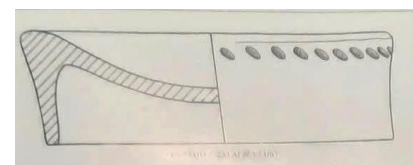
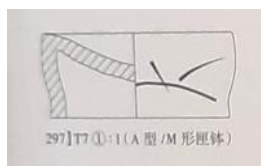
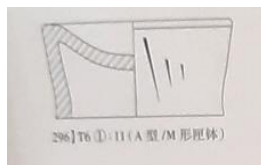
### 2.2.1. Loại I: Bao nung hình chữ M

Có 203 hiện vật, gồm: 48 hiện vật đủ dáng, 102 mảnh miệng và 53 mảnh đáy.

Bao nung có mặt cắt ngang giống chữ “M” nên gọi là bao nung hình chữ M. Hình thức xếp nung của loại bao nung này là đặt úp miệng ở dưới, đáy ở trên. Bao nung chữ M phần lớn có thân khum, một số ít thân đứng, miệng cắt bằng hoặc vát, đáy tạo lõm hình phễu hoặc lõm cong là nơi đặt sản phẩm gốm khi nung, bề mặt đáy nhẵn, mặt trong lòng để lại dấu vết lõm tay do kỹ thuật ấn đáy tạo lòng phễu. Trên thân còn để lại những dấu vết kỹ thuật bàn xoay, thành trong vuốt nhẵn. Một số bao nung ở phần thân dưới có khoét lỗ tròn nhỏ, phần giữa thân và đáy có dấu vết kỹ thuật gắn chặt hai phần với nhau. Xương



**Hình 2. Bao nung hình chữ M thời Lý, thế kỷ XI-XII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long**  
(Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh thành)



**Hình 3. Bao nung hình chữ M phát hiện tại lò Fengdongyan, Chiết Giang, Trung Quốc**  
(Nguồn: Khu lò Fengdongyan ở Dayao, Longquan, tập 1)

dày, màu nâu, đỏ gạch, hoặc xám, có hạt xỉ lò màu đen. Bao nung có kích thước trung bình: Đường kính miệng từ 20 - 27,2cm, đường kính đáy từ 22,4 - 28,8cm, chiều cao từ 7,75 - 12,6cm. Dựa vào hình dáng thân khum hay đứng, loại này được chia thành 02 kiểu (*Hình 2*). Đây là loại bao nung được làm phỏng theo bao nung của Trung Quốc. Năm 2006 - 2007 diễn ra cuộc khai quật khảo cổ học di chỉ lò gốm Fengdongyan ở Dayao thuộc Long Tuyền tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc do Viện Di tích văn hóa và Khảo cổ học Chiết Giang, khoa Khảo cổ học và Bảo tàng thuộc Đại học Bắc Kinh, Bảo tàng Chiết Giang tiến hành. Tại đây, các chuyên gia đã làm xuất lộ nhiều vết tích lò nung và thu được một số lượng lớn đồ gốm men ngọc, dụng cụ sản xuất như bao nung, con kê... có niên đại trải dài từ Nam Triều đến Tống, Nguyên, Minh (<https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0168583X16302531>). Trong số những bao nung phát hiện tại lò gốm niên đại thời Tống (1127 - 1279) có bao nung hình chữ M. So sánh giữa bao nung hình chữ M phát hiện tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long và bao nung M tại lò Fengdongyan có sự tương đồng về hình dáng và kỹ thuật chế tạo. Cả hai đều có mặt cắt hình chữ M, phần thân và đáy được ghép nối với nhau cho nên để lại nhiều vết lõm ngón tay (*Hình 3*).

### 2.2.2. Loại II: Bao nung hình thang 1

Có 51 hiện vật, gồm: 2 hiện vật đủ dáng, 47 mảnh miệng và 2 mảnh thân.

Bao nung có hình thang cân, đường kính đáy nhỏ hơn đường kính miệng, thành thấp, thân xiên vát loe, miệng thẳng, đáy bằng. Kích thước trung bình: Đường kính miệng từ 25,2 - 28,4cm, đường kính đáy từ 18 - 22cm, cao từ 7,35 - 9cm. Dựa vào kỹ thuật tạo miệng và đáy, loại này được chia thành 02 kiểu:

Kiểu 1: Bao nung có miệng cắt vát trong, đáy lõm, xương gốm xám ánh hồng.

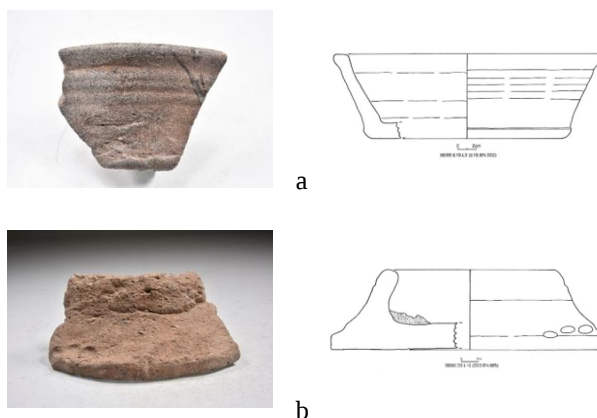
Kiểu 2: Bao nung có miệng cắt bằng, thành miệng ngoài và mép đế vuốt bo tạo gờ nổi, xương màu trắng có nhiều hạt sạn đen nhỏ (*Hình 4a*).

### 2.2.3. Loại III: Bao nung hình thang 2

Có 193 hiện vật, gồm: 56 hiện vật đủ dáng, 137 mảnh miệng. Bao nung loại này có mặt cắt ngang hình thang cân, đường kính đáy lớn hơn đường kính miệng, thành thấp, thân vát khum về miệng, miệng vè tròn dày, đáy bằng, xương dày, màu đỏ gạch, xám đỏ hoặc xám đen, kết cấu xương đanh, có nhiều hạt xỉ đen nhỏ, một số có hạt xỉ đen to. Một số bao nung được trát lớp áo làm từ bùn đất, bã nguyên liệu ở thành trong và ngoài. Một số ít bao nung loại này không có đáy. Phần lớn có kích thước trung bình: Đường kính miệng từ 18,4 - 23,6cm, đường kính đáy từ 22,2 - 32cm, cao từ 7,9 - 10,9cm. Dựa vào hình dáng, kiểu miệng, cùng dấu vết kỹ thuật, bao nung loại III được chia thành 06 kiểu (*Hình 4b*).

### 2.2.4. Loại IV: Bao nung hình trụ, thành thấp

Có 3.917 hiện vật, gồm: 775 hiện vật đủ dáng, 3.135 mảnh miệng, 5 mảnh thân và 2 mảnh đáy. Bao nung loại này có dáng hình trụ, thành thấp (chiều cao nhỏ hơn hoặc bằng 1/2 đường kính đáy).



**Hình 4. Bao nung hình thang, thời Lý, thế kỷ XI-XII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long**

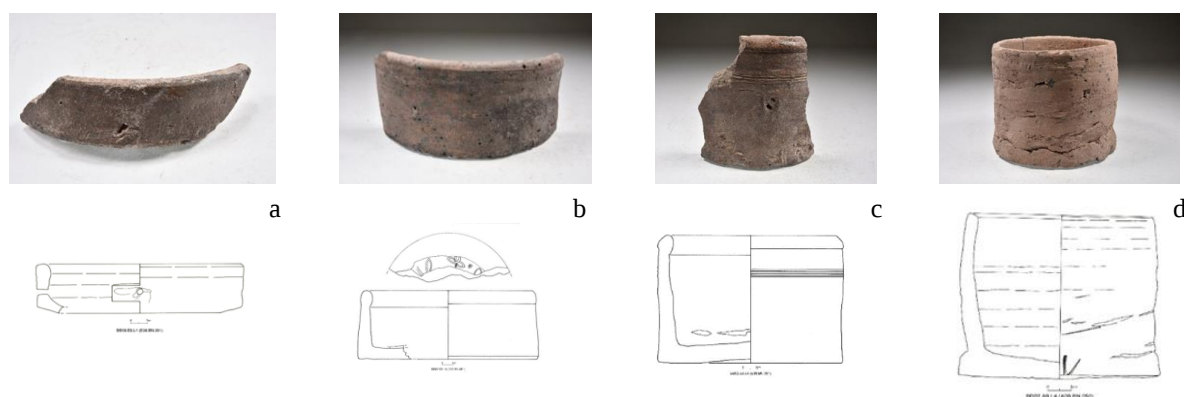
(Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh thành)

Bao nung hình trụ, thành thấp có thành miệng ngoài không tạo gờ hoặc vê tạo gờ. Kiểu miệng không tạo gờ thường thẳng, mép miệng cắt vát trong hoặc tạo bằng. Kiểu miệng tạo gờ có thể thẳng, hơi khum hoặc hơi loe, mép trong vê tròn, gập vào trong không miết nhẵn nên để lại rãnh nổi với thân. Thân đứng, đáy bằng, trong lòng có vết các dải cuộn, một số được miết nhẵn không còn nhìn rõ dải cuộn. Một số bao nung có đục lỗ thông từ trong ra ngoài. Xương bao nung có nhiều kiểu: Màu đen, xám, đỏ gạch,... lẫn nhiều cát và sạn màu trắng nhỏ hoặc xỉ màu đen. Kích thước trung bình: Đường kính miệng từ 20 - 30cm, đường kính đáy từ 20,6 - 31,4cm, cao từ 5,5 - 17cm. Dựa vào đặc trưng về hình dáng, cấu trúc miệng, bao nung loại IV được chia thành 07 kiểu (Hình 5a, 5b).

#### 2.2.5. Bao nung hình trụ, thành cao

Có 7.007 hiện vật, gồm: 275 hiện vật đủ dáng, 6.730 mảnh miệng và 2 mảnh đáy.

Bao nung loại này có dáng hình trụ, thành cao (chiều cao lớn hơn hoặc bằng 1/2 đường kính đáy), miệng thẳng, không có gờ hoặc tạo gờ, thân có các dáng: Thẳng đứng, hơi vát loe hoặc hơi khum về miệng, đáy bằng. Xương gốm có nhiều chất liệu, màu sắc như: Xám, xám đen, trắng xám, đỏ gạch, đỏ hồng, có các hạt màu đen to, nhỏ, một số có hạt màu trắng nhỏ, đan chắc. Một số bao nung có thành trong và thành ngoài đều được trát lớp áo làm từ bùn đất, bã nguyên liệu. Bao nung có kích thước trung bình: Đường kính miệng từ 22,3 - 28,6cm, đường kính đáy từ 24,2 - 26,6cm, cao từ 15,9 - 26,8cm. Dựa vào hình dáng, cấu trúc miệng, bao nung loại V được chia thành 06 kiểu (Hình 5c, 5d).



**Hình 5. Bao nung hình trụ, thành thấp (a, b) và hình trụ, thành cao (c, d) thời Lý, thế kỷ XI-XIII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long**  
(Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh thành)

#### 2.2.6. Loại VI: Bao nung hình vuông/chữ nhật

Có 7 hiện vật, gồm 4 hiện vật đủ dáng và 3 mảnh đáy.

Bao nung loại này được tạo dáng hình hộp chữ nhật hoặc hình vuông với 4 góc có thể được vuốt bo tròn hoặc bẻ gập tạo cạnh nhọn. Bao nung có miệng cắt bằng, thành thẳng, thấp, đáy bằng. Trên thân còn để lại các dấu vết kỹ thuật nặn tay, một số hiện vật có hiện tượng chảy men. Bao nung có màu xám đen hoặc nâu đỏ gạch, xương khá mỏng, có nhiều hạt màu đen hoặc hạt sỏi màu đỏ son, đan chắc, kích thước: Dài còn lại từ 5 - 10,5cm, cao từ 5,2 - 10,1cm, dày từ 1,2 - 3cm (Hình 6).



**Hình 6. Bao nung hình vuông/ chữ nhật, thời lý thế kỷ XI-XIII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long**  
(Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh thành)

### 3. Đặc trưng và vai trò

#### 3.1. Đặc trưng

*Về hình dáng:* Bao nung phát hiện tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long có niên đại thời Lý, Trần, Lê sơ, mỗi thời đều có những đặc trưng riêng về hình dáng. Trong đó, bao nung thời Lý có các đặc trưng riêng biệt rất dễ nhận biết. Đó là bao nung thời này có hình dáng phong phú nhất như: Hình chữ M, hình thang, hình trụ thấp, hình trụ cao, hình vuông/chữ nhật. Trong mỗi loại lại có những kiểu và phụ kiểu phong phú. Đến thời Trần và thời Lê hình dáng bao nung không còn được phong phú như vậy. Về kích thước, bao nung thời Lý rất đa dạng, biên độ chênh lệch giữa các kiểu trong mỗi loại lớn (trong một loại bao nung có nhiều kiểu với nhiều kích thước khác nhau), chiếm tỉ lệ lớn là bao nung có kích thước nhỏ với đường kính miệng từ 20 - 30cm, loại hình vuông/chữ nhật có kích thước nhỏ nhất, dài khoảng trên 10cm. Kích thước bao nung thời Trần và Lê sơ có biên độ chênh lệch giữa các kiểu trong mỗi loại nhỏ (trong một loại bao nung, kích thước các kiểu khá đồng nhất nhau không có sự chênh lệch nhiều), chiếm tỉ lệ lớn là bao nung có kích thước to với đường kính từ 40 - 60cm.

*Về chất liệu:* Chất liệu bao nung đều có đặc điểm chung là được làm từ phần nguyên liệu thải loại trong sản xuất gốm với hỗn hợp gồm: Đất, xỉ lò, cát, các hạt sỏi đen, sỏi trắng với tỉ lệ pha trộn khác nhau. Mỗi thời đại có những đặc trưng riêng về chất liệu nhưng cũng có những điểm tương đồng khó phân biệt. Do chưa tiếp cận được phương pháp nghiên cứu phân tích mẫu hiện đại nên bài viết mới chỉ bước đầu đưa ra được các đặc trưng về chất liệu qua quan sát bằng mắt thường.

Thời Lý, bao nung có xương khá mỏng, đa dạng với các màu như: (1) Nhóm xương trắng xám, trắng phần ngả xám, cả hai loại này đều có hạt xỉ lò hay sỏi màu đen, màu trắng được nghiền nhỏ; (2) Nhóm xương nâu đỏ, nâu đỏ ngả vàng có các hạt xỉ lò hoặc sỏi màu đen kích thước to hơn loại xương màu trắng xám, nhóm xương này có số lượng lớn; (3) Nhóm có xương màu xám đen, mịn, ít pha trộn xỉ lò hay sỏi, rất đánh chắc, độ thiêu kết cao, nhóm này có số lượng ít hơn 2 nhóm trên. Về màu sắc, bao nung thời Lý rất phổ biến loại hình có phần thân ngoài bị chảy men màu đen bóng, màu nâu đen ngả cánh gián, hoặc màu nâu đen, nâu xám. Càng về cuối thời Lý càng phổ biến màu nâu xám và nâu đỏ gạch. Các đặc trưng này khác với thời Trần, Lê sơ, bao nung có xương dày hơn, nhiều hạt màu đen to mật độ dày, đồng nhất về màu sắc hơn, ít bị chảy men hơn.

*Về kỹ thuật:* Kỹ thuật chế tạo bao nung các thời nhìn chung có điểm chung là có thể tạo bằng bàn xoay hoặc bằng tay, tùy theo loại hình, nhưng phổ biến là dùng bàn xoay.

Thời Lý, phần lớn bao nung được làm bằng bàn xoay, một số loại bao nung nhỏ như bao nung hình vuông, hình chữ nhật được làm bằng tay. Đặc trưng kỹ thuật của thời này là trong lòng bao nung còn để lại nhiều dấu vết dải cuộn chưa được xóa hay miết làm nhẵn. Đây là đặc trưng giúp xác định niên đại cho bao nung khi vỡ nhỏ.

Bao nung thời Lý được chế tạo trau chuốt hơn với xương mỏng, thành ngoài được vuốt nhẵn, phần lớn được chế tạo hai bộ phận thân và đáy riêng, sau đó mới gắn lại với nhau. Ranh giới gắn giữa hai bộ phận này được miết nhẵn. Ở bao nung hình trụ, kỹ thuật này được chú trọng hơn khi người ta vuốt nhẵn trước, sau đó mới tiến hành gọt bo cạnh phần tiếp giáp giữa thân và đáy. Kỹ thuật này không còn xuất hiện ở loại bao nung thành cao không có gờ miệng.

Trong tạo hình thân bao nung, người thợ gốm sử dụng kỹ thuật dải cuộn trên bàn xoay cho nên còn để lại nhiều nếp gấp ở thành trong. Dấu vết kỹ thuật này khá phổ biến ở đầu thời Lý càng về sau càng không xuất hiện nữa do thợ gốm đã gia cố vuốt nhẵn cả thành trong và thành ngoài bao nung.

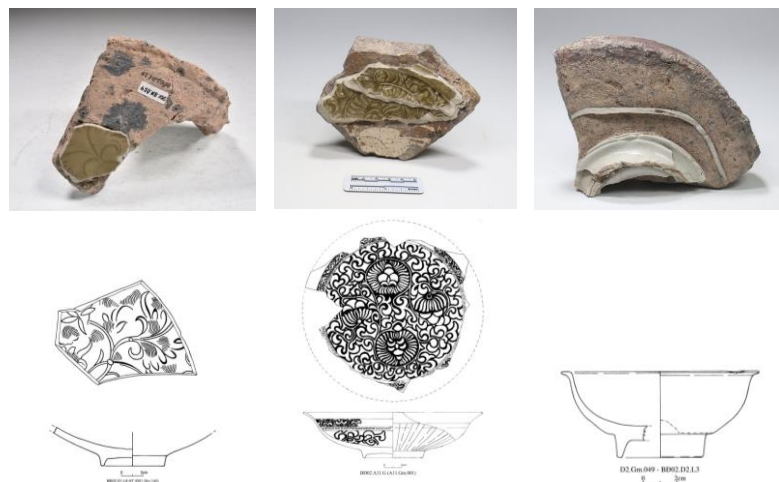
Kỹ thuật trát một lớp áo dày bằng bã nguyên liệu làm gốm, có thể có bùn, đất trộn cùng trấu, bã thực vật ở thành ngoài và thành trong bao nung có xuất hiện nhưng không phổ biến như thời Trần và thời Lê sơ. Kỹ thuật này xuất hiện phổ biến ở loại bao nung hình trụ, miệng không tạo gờ. Việc trát lớp áo này giúp gia cố cho bao nung khi bị nứt vỡ hoặc bít các lỗ thủng hình thành do tỉ lệ xỉ lò trong xương bao nung quá lớn, bị xỉ ra khi nhiệt độ lò nung gia tăng. Kỹ thuật này còn giúp gia tăng nhiệt độ cho bao nung, tương tự như kỹ thuật trát lớp áo bằng bùn và bã thực vật trong nung gạch truyền thống.

*Về chức năng:* Sự đa dạng về hình dáng, kích thước của bao nung thời Lý cho thấy một phần công năng của nó. Hình dáng, kích thước bao nung được thiết kế phù hợp với sản phẩm gốm sứ khi nung. Theo đó, bao nung chữ M là loại hình bao nung ra đời sớm, được sử dụng để nung sản phẩm đơn chiếc. Bao nung hình thang 1 có thể nung chậu hoặc đồ gốm có thân vát loe. Bao nung hình thang 2 có thể nung đơn chiếc các sản phẩm gốm có kích thước nhỏ. Đặc biệt, bao nung hình thang 2 không có đáy là loại khá linh hoạt trong chồng xếp. Loại bao nung hình trụ thấp có công năng nung đĩa và loại hình trụ cao dùng để nung bát. Loại bao nung hình vuông/ chữ nhật có kích thước nhỏ dùng để nung các đồ gốm nhỏ có khối hộp. Tuy nhiên, bao nung dùng để nung thạp, chậu đòi hỏi có kích thước lớn thì lại chưa phát hiện được do có thể đã bị vỡ quá nhỏ không nhận ra hoặc thợ gốm thời kỳ này có thể dùng một cách thức nào đó mà vẫn còn là một ẩn số.

### 3.2. Vai trò

Bao nung gốm thời Lý nói riêng, thời Trần và thời Lê sơ phát hiện tại khu di tích nói chung đều là những tư liệu quan trọng minh chứng cho sự hình thành và phát triển lò gốm “Quan” Thăng Long.

Trong sử sách Việt Nam đã có một số ghi chép về sự tồn tại của các làng nghề thủ công truyền thống ở Thăng Long. Trong đó, có những ghi chép về Cục Bách Tác thuộc quản lý của triều đình chuyên sản xuất



**Hình 7. Ảnh đồ gốm sứ dính trên bao nung và bản vẽ các sản phẩm gốm dùng trong sinh hoạt tương tự gốm dính, thời Lý, thế kỷ XI-XIII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long**

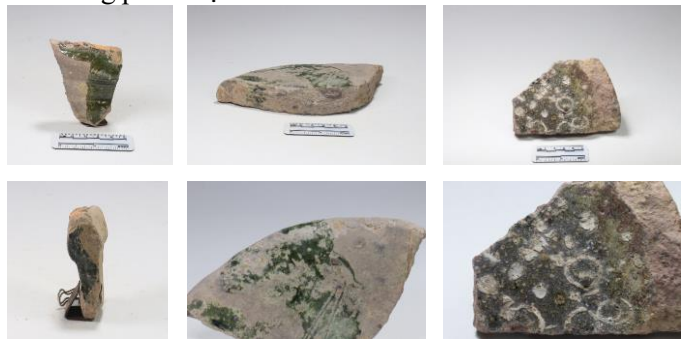
(Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh thành)

đồ dùng, xây dựng các công trình phục vụ triều đình (*Dại Việt sử ký toàn thư*, quyển I). Tuy nhiên, lại không có trang dòng nào ghi chép về việc sản xuất gốm. Vấn đề nguồn gốc của các đồ gốm sứ phát hiện được tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long đã có nhiều câu hỏi được đặt ra với nhiều giả thiết nhưng chưa có minh chứng rõ ràng. Vấn đề này được làm sáng tỏ khi những công trình nghiên cứu về đồ gốm phát hiện tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long của PGS.TS. Bùi Minh Trí công bố từ năm 2002 đến nay với nhiều bài viết chuyên sâu đã đưa ra những bằng chứng thuyết phục về sự tồn tại của lò gốm “Quan” tại Thăng Long. Những bằng chứng này được đưa ra dựa trên kết quả của việc nghiên cứu so sánh không chỉ giữa đồ gốm sinh hoạt và đồ gốm phế thải, dụng cụ sản xuất tại khu di tích mà còn so sánh với khu vực ngoại vi Thăng Long. Theo đó, trong số các đồ gốm phát hiện được tại khu di tích có một bộ phận có nhiều đặc trưng riêng biệt về hoa văn trang trí, trình độ sản xuất như: Kỹ thuật cắt gọt chân đế, men và chất lượng xương gốm... khác với các đồ gốm có nguồn gốc ở ngoại vi Thăng Long. Đồng thời, việc phát hiện được rất nhiều bao nung, dụng cụ sản xuất gốm và đồ gốm phế thải tại khu di tích cho thấy chúng được sản xuất tại chỗ (Bùi Minh Trí 2008, 2012, 2022). Nghiên cứu so sánh đồ gốm dính trên bao nung với sản phẩm gốm sinh hoạt, đồ gốm sụn dính, sòng men cùng phát hiện tại đây, đã cho thấy chúng có mối quan hệ tương đồng về niên đại (*Hình 7*). Điều này khẳng định chúng được sản xuất tại cùng một nơi, đó là lò gốm “Quan” Thăng Long - lò gốm chuyên sản xuất phục vụ cung đình.

Sự xuất hiện của bao nung thời Lý tại khu di tích cho thấy sự thay đổi lớn trong kỹ thuật nung gốm với một trình độ cao mà trước đó chưa làm được. Đồ gốm được nung trong lò sử dụng bao nung ở nhiệt độ cao nên có sự thay đổi rõ rệt về chất lượng. Đây là một sự đột phá, một bước ngoặt trong lịch sử sản xuất gốm sứ, mở ra một kỷ nguyên mới với sự ra đời của đồ gốm men đạt đến chất lượng của sứ. Trước đó người ta mới chỉ biết đến lò gốm Đường Xá (Bắc Ninh) thời Đinh - Tiền Lê, thế kỷ X với các sản phẩm gốm men màu xám được hình thành do nung trực tiếp sản phẩm cùng vỏ sò mà không sử dụng bao nung. Và “Trước đây, khi chưa có những phát hiện tại di tích Hoàng thành, nhiều học giả nước ngoài vẫn nghĩ rằng: Ngoài gốm hoa nâu thì các loại gốm khác của Việt Nam thời Lý chủ yếu được du nhập từ Trung Quốc. Họ không tin thời Lý đã có thể sản xuất được những loại gốm men trắng và men ngọc đẹp và tinh xảo như gốm thời Tống (Trung Quốc). Nhiều sưu tập gốm Việt Nam thời Lý do người Pháp đào được tại Thăng Long vào những năm đầu thế kỷ XX từng được gọi là gốm Tống (Sung ceramic) với hàm nghĩa đó là đồ gốm của Trung Quốc thời Tống. Một số học giả Việt Nam cũng từng đưa ra quan điểm tương tự. Họ cho rằng ở Việt Nam chưa có loại gốm trắng nào có thể so sánh với gốm trắng Trung Quốc được sản xuất ở lò Định tinh Hà Bắc (gốm Bạch Định). Vì thời Lý công nghệ sản xuất gốm sứ Việt Nam chưa thể phát triển với trình độ công nghệ cao nên khó mà sản xuất được những đồ sứ cao cấp. Do đó, nhiều loại gốm men trắng và gốm men xanh ngọc cao cấp của Việt Nam thời kỳ này đã từng được xếp vào hệ gốm Tống Trung Quốc” (Bùi Minh Trí, Nguyễn Đình Chiến 2004: 92). Sau các cuộc khai quật khu di tích Hoàng thành Thăng Long, một số lượng tương đối đồ gốm men trắng, men ngọc có chất lượng cao được phát hiện với những hoa văn mang tính bản địa như “những sưu tập đồ gốm trắng trang trí hình rồng mang phong cách Lý đích thực mà hình dáng của nó giống hệt như những hình chạm khắc trên đá trong kiến trúc chùa, tháp thời Lý (như tháp Chương Sơn, chùa Phật Tích). Ví dụ như mảnh bệ tháp sứ trắng trang trí hình rồng và mảnh bệ tháp sứ trang trí hình tiên nữ Apsara tìm thấy ở khu B. Đặc biệt ở các hố khai quật tại khu A, B nhiều loại nắp hộp sứ trắng cao cấp trang trí in nổi hình rồng hay khắc chìm văn dây lá rất tinh xảo cũng đã được tìm thấy” (Bùi Minh Trí, Nguyễn Đình Chiến 2004: 92) cùng với những phát hiện về đồ gốm phế thải, bao nung tại đây đã khẳng định rõ ràng sự tồn tại của lò gốm thời Lý ở Thăng Long

(Bùi Minh Trí, Nguyễn Đình Chiến 2004: 92-93). Điều đó cho thấy công nghệ sản xuất gốm sứ Đại Việt đã vươn lên một tầm cao mới khi sản xuất được những đồ gốm sứ có chất lượng cao sánh ngang với gốm thời Tống, gây ra không ít sự nhầm lẫn trong phân loại.

Những nghiên cứu về bao nung gốm góp phần củng cố làm rõ thêm về chủ nhân của lò gốm này. Không ít người hồ nghi chủ nhân lò gốm tại Thăng Long là người Hoa hay người Việt khi có sự tương đồng về chất lượng, hình dáng, hoa văn trang trí giữa gốm Lý và Tống cũng như sự xuất hiện của bao nung hình chữ M tại khu di tích. Những bằng chứng từ bao nung gốm đã lý giải xác đáng cho hồ nghi này. Đó là tại khu di tích đã phát hiện được hàng trăm



**Hình 8. Dụng cụ thử men bằng bao nung gốm thời Lý, thế kỷ XI-XII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long**

(Nguồn: Tác giả)

mảnh bao nung thời Lý có phủ men với các màu men như: Nâu, lục, ngọc, trắng xám. Theo chuyên gia gốm cổ PGS. TS. Bùi Minh Trí thì đây là những mảnh bao nung được dùng để thử men. Trong số đó, có những mảnh bao nung còn dấu vết của mảnh nhuyển thể nhỏ như vỏ sò bị chảy men (Hình 8). Và dường như thời Trần rất ít những mảnh bao nung có men tương tự như vậy. Điều đó có nghĩa là vào thời Lý, thợ gốm Việt đang từng bước nghiên cứu công thức làm men gốm, đến thời Trần có lẽ đã đúc rút được kinh nghiệm và làm chủ được công thức. Việc dùng vỏ sò để làm men được kế thừa từ trước đó và được bảo tồn ở những giai đoạn sau này. Tại cuộc khai quật lò gốm Chu Đậu, Hải Dương năm 2014, ở hố 02 cụm gốm 01 các nhà khoa học cũng phát hiện được rất nhiều vỏ sò, vỏ hến với mật độ dày nằm đan xen với hiện vật gốm sứ thời Lê sơ (Bùi Minh Trí, Nguyễn Thị Hồng Lê, Lê Thị Bích, 2015). Vỏ sò có lẽ là một trong những nguyên liệu quan trọng trong công thức làm men truyền thống riêng có của người Việt, trong khi người Hoa sử dụng nguyên liệu khác. Như vậy, thợ gốm Việt bên cạnh việc học hỏi kỹ thuật sản xuất gốm của Trung Quốc, đã từng bước mày mò, nghiên cứu kỹ thuật sản xuất gốm sứ riêng và đã đạt được những thành công lớn.

Bên cạnh đó, bao nung thời Lý có vai trò nhất định trong nghiên cứu kỹ thuật sản xuất gốm lò “Quan” Thăng Long. Bao nung gốm nói chung là tư liệu vật chất quý báu trong nghiên cứu gốm cổ. Bao nung gốm thời Lý đóng góp một phần trong nghiên cứu kỹ thuật sản xuất gốm lò “Quan” Thăng Long nói riêng. Đây là một bộ phận quan trọng trong nghiên cứu về quy trình sản xuất gốm. Đó là quy trình nung và xử lý nhiệt độ nung gốm, cách thức xếp nung... Bao nung gốm là tư liệu quan trọng giúp các nhà nghiên cứu tiếp cận được quy trình này bởi không có nguồn tư liệu nào nói đến, việc phân tích định lượng trên đồ gốm khó có thể tiến hành bởi rất tốn kém kinh phí.

#### **4. Mối liên hệ giữa bao nung thời Lý tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long và bao nung phát hiện tại vùng ngoại vi Thăng Long**

Những phát hiện khảo cổ học đầu tiên về bao nung có lẽ là những phát hiện lẻ tẻ tại khu vực Thăng Long. “Vào những năm 70, nhiều cuộc điều tra thám sát đã được tiến hành ở khu vực này và người ta cũng đã tiếp tục tìm thấy các sản phẩm gốm sứ tương tự, trong đó có nhiều công cụ sản xuất gốm như các bao nung... Mấy năm gần đây, để chuẩn bị lễ kỷ niệm Ngàn năm Thăng Long vào năm 2010 nhiều cuộc khai quật khảo cổ học đã được tiến hành ngay trong khu vực kinh thành xưa như

Hậu Lâu, Đoan Môn, Bắc Môn, Khu vực Khải Thánh (Văn Miếu) ở gần đó cũng có một cuộc đào vào tháng 4 năm 1999. Đáng lưu ý là tại các địa điểm trên, các nhà khảo cổ đã tìm thấy một số chồng bát dính men và các mảnh bao nung gốm. Những đồ phế thải này đều được những người khai quật xác định có niên đại Trần, thế kỷ 14" (Bùi Minh Trí, Kerry Nguyễn Long 2001: 27). Cho đến năm 2002- 2008, khi khai quật tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long, các nhà khoa học đã phát hiện được hàng trăm nghìn hiện vật bao nung có niên đại từ thời Lý, Trần đến thời Lê sơ.

Tại các di chỉ sản xuất gốm khác ở Nam Định, Hải Dương, Kim Lan, (Hà Nội) đều phát hiện được bao nung gốm bên cạnh các đồ gốm, gốm phế thải, dụng cụ sản xuất cùng vết tích lò nung.

Tại Nam Định, bao nung gốm cũng đã được các nhà khảo cổ học tìm thấy từ năm 1970, khi khai quật một giếng nước được làm từ bao nung tại chùa tháp Phổ Minh. Năm 1999 các cuộc điều tra, khai quật khảo cổ học tại di tích Cồn Chè, Cồn Thịnh (Nam Định) đã phát hiện được một số bao nung, dụng cụ sản xuất, đồ gốm, vết tích của nền lò cho thấy sự tồn tại của trung tâm gốm tại Thiên Trường, niên đại thời Trần, thế kỷ XIII - XIV (Bùi Minh Trí, Kerry Nguyễn Long 2001: 28-29; NishinoNoriko, Nishimura Masanari, 2001: 553) (*Hình 9: 2*).

Bên cạnh các trung tâm gốm kể trên, các trung tâm gốm ở Hải Dương được phát hiện, nghiên cứu, khai quật trong nhiều đợt nhất. Di tích gốm Vạn Yên phát hiện năm 1984, khai quật vào các năm 1987, 1989, 1996. Tại di tích này, các nhà khảo cổ học phát hiện được khá nhiều đồ gốm men, chồng dính gốm, bao nung, con kê và mảnh tường lò, vòm lò bị sập. Theo nghiên cứu của những người khai quật, những di vật này cho thấy dấu vết của lò gốm men có niên đại thời Trần thế kỷ XIII - XIV (Bùi Minh Trí, Kerry Nguyễn Long 2001: 29-30). Ngoài di tích Vạn Yên có niên đại sớm nhất, còn lại các di tích khác như Chu Đậu, Mỹ Xá, Hùng Thắng, Ngói, Cây, Láo, Bá Thủy, Hợp Lễ đều có niên đại thời Lê thế kỷ XV - XVIII, một số lò như Cây còn duy trì hoạt động cho đến tận ngày nay. Các di tích này (trừ Bá Thủy) được khai quật nhiều đợt vào cuối những năm 80 đầu những năm 90 của thế kỷ XX. Gần đây nhất vào năm 2023, Viện Nghiên cứu Kinh thành khai quật cuộc đầu tiên tại Bá Thủy. Kết quả nghiên cứu từ các cuộc điều tra, khai quật những di tích này cho thấy từ thời Trần đến thời Lê ở Bắc Việt Nam đã rất phổ biến loại hình lò gốm có sử dụng bao nung (*Hình 9: 3*).

Ngoài những mảnh bao nung phát hiện được bên ngoài lò, hoặc nằm rải rác quanh các di tích còn phát hiện được lò nung còn nguyên trạng bao nung như ở di tích Hợp Lễ khai quật năm 1989 “Nền lò có mặt bằng gần hình thang dài 14,25m, phần hậu lò rộng 5,4m và cửa lò rộng 0,62. Lò nung được chia làm 2 phần: bầu lò và thân lò. Cửa lò quay về hướng Đông Bắc, phía sông. Dựa vào mặt bằng và cấu trúc khoang nền, chúng tôi nghĩ rằng đây là “lò bầu”. Kết cấu của nền và tường lò được đắp bằng đất sét, riêng phần chân tường phía hậu lò là dùng gạch vỡ để xây móng. Đặc biệt lưu ý ở mặt nền lò còn lộ dấu vết của 115 bao nung (không kể phần nền đã bị phá mất). Các bao nung này được xếp thẳng hàng theo chiều dọc và chiều ngang. Nếu căn cứ vào hàng còn nguyên dạng thì mỗi hàng có 41 bao nung. Căn cứ vào vị trí và số lượng bao nung mỗi hàng ngang dọc, có thể biết được nền lò này có khảng 250 bao nung. Các bao nung được xếp xen kẽ, hai bao nung nhỏ với hai bao nung to ở trong một hàng. Đường kính bao nung to từ 27-28cm, bao nung nhỏ từ 24-25cm” (Bùi Minh Trí, Kerry Nguyễn Long 2001: 46).

Tại Bát Tràng, Kim Lan, một số mảnh bao nung, gốm phế thải, con kê, đồ gốm được người dân phát hiện tại các bãi bồi bên sông, các hiện vật này được hiến tặng cho các bảo tàng gốm sứ Bát Tràng và Kim Lan. Cuộc điều tra và khai quật khảo cổ học tại Kim Lan năm 2000, đã phát hiện được vết tích lò nung, đồ gốm, dụng cụ sản xuất trong đó có khá nhiều bao nung gốm có niên đại từ thế kỷ XIII hoặc có thể sớm hơn (Bùi Minh Trí, Kerry Nguyễn Long 2001: 31-32). Khi điều tra thực tế tại Bát Tràng và Kim Lan tác giả có dịp tiếp cận trực tiếp một số bao nung được người dân phát hiện tại bãi bồi bên sông và một số đồ được khai quật năm 2001, 2003 có niên đại thời Lý, Trần, Lê sơ (Hình 9: 1, 5). Nghiên cứu so sánh với bao nung phát hiện tại khu di tích Hoàng Thành Thăng Long cho thấy có nhiều điểm tương đồng về hình dáng và chất liệu. Đặc điểm khác biệt rất nhỏ giữa bao nung thời Lý tại hai khu di tích này là: Bao nung Kim Lan cả thành trong và thành ngoài còn để lại dấu vết kỹ thuật dải cuộn trong khi bao nung tại Hoàng thành Thăng Long dấu vết dải cuộn chỉ xuất hiện ở thành trong còn thành ngoài được làm nhẵn, láng bóng. Do số lượng mẫu bao nung tại Kim Lan rất ít nên việc so sánh làm rõ các đặc trưng khác biệt với Hoàng thành Thăng Long nêu trên có thể chỉ là kết quả mang tính tham khảo. Để có kết quả nghiên cứu



**Hình 9. Bao nung thời Lý (5) và thời Trần (1) phát hiện tại Kim Lan, bao nung thời Lê sơ phát hiện tại Mỹ Xá (Hải Dương) (3), bao nung thời Trần phát hiện tại Nam Định (2), bao nung thời Lý phát hiện tại Hoàng thành Thăng Long (4)**

(Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh Thành)

chính xác hơn cần phải tiến hành các cuộc điều tra, khai quật trên quy mô lớn. Bên cạnh bao nung gốm, tại Kim Lan phát hiện được một số đồ gốm sứ có niên đại thời Lý, Trần có đặc điểm về hình dáng và hoa văn khá tương đồng với đồ gốm phát hiện tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long. Cũng tại di tích này còn phát hiện được một tiêu bản gốm men trắng thời Trần thế kỷ XIV có in chữ “Quan diêu” ở giữa lòng. Ý nghĩa của chữ “Quan diêu” có nghĩa là lò Quan, một số nhà nghiên cứu cho là “Quan dạng” có nghĩa hiện vật đó là mẫu làm cho quan xem, thẩm định sản phẩm trong sản xuất tại các lò gốm của triều đình. Từ những mối liên hệ tương đồng này, liệu có thể giả thiết rằng nguồn gốc những bao nung, đồ gốm phát hiện tại Hoàng thành Thăng Long có thể đưa từ Kim Lan về?. Theo quan điểm của tác giả thì mặc dù chưa phát hiện được dấu tích lò nung tại Thăng Long nhưng những phế phẩm, bao nung, dụng cụ sản xuất gốm được phát hiện tại đây là vật liệu được người xưa tận dụng để san lấp tôn tạo mặt bằng khi xây dựng các công trình kiến trúc, cho nên các vật liệu này được lấy tại chỗ. Khoảng cách giữa Kim Lan và Hoàng Thành khoảng 20 km là khoảng cách khá xa để vận chuyển trong điều kiện phương tiện và giao thông kém phát triển và điều này rất không thực tế. Hơn nữa nghiên cứu các hiện vật gốm, bao nung cho thấy có sự khác biệt. Bút pháp chữ “Quan diêu” in trên đồ gốm Kim Lan cũng khác với những chữ phát hiện ở Hoàng thành Thăng Long. Như vậy, sự xuất hiện của bao nung và một số đồ gốm thời Lý tại Kim Lan cho thấy khả năng lò gốm này hoạt động từ thời Lý hoặc cũng có thể đó chỉ là những hiện vật được mang từ Thăng Long về. Sự tương đồng của bao nung, đồ gốm, cũng như sự xuất hiện của chữ “Quan diêu” trên đồ gốm phát hiện tại Kim Lan là minh chứng cho thấy mối quan hệ với lò gốm tại Thăng Long.

Đó là hiện tượng lan tỏa khi nhu cầu về đồ gốm tại thời điểm đó là rất lớn sẽ xuất hiện các lò dân gian học hỏi và sản xuất theo các mẫu của Thăng Long, hiện tượng này khá phổ biến tại Trung Quốc. Để làm rõ hơn vấn đề này cần phải tiến hành nghiên cứu sâu hơn trên cơ sở khai thác tư liệu từ các cuộc khai quật tại Kim Lan trong tương lai.

Như vậy, những bằng chứng khảo cổ học trên cho thấy, bao nung gốm xuất hiện sớm nhất từ thời Lý tại lò gốm Thăng Long. Lò gốm này phát triển liên tục từ thời Lý, Trần đến thời Lê. Đây là trung tâm gốm có tầm ảnh hưởng lan tỏa sang các vùng ngoại vi. Kỹ thuật nung gốm bằng lò sử dụng bao nung phát triển mạnh mẽ ở các vùng ngoại vi, hình thành các trung tâm sản xuất gốm lớn như: Thời Trần có các trung tâm gốm Thiên Trường (Nam Định), trung tâm gốm Vạn Yên (Hải Dương), trung tâm gốm Bát Tràng (Hà Nội), thời Lê có các trung tâm gốm Nam Sách (Chu Đậu, Mỹ Xá, Hùng Thắng), trung tâm gốm Bình Giang (Ngói, Cây, Hợp Lễ, Láo, Bá Thù).

## 5. Kết luận

Bao nung thời Lý phát hiện tại khu di tích có số lượng lớn với sự đa dạng về loại hình cùng những đặc trưng riêng biệt đã cho thấy những bước tiến trong sản xuất gốm sứ. Diễn tiến phát triển về loại hình bao nung cho thấy các bước phát triển trong sản xuất gốm từ bước đầu học hỏi kỹ thuật của Trung Quốc, đồng thời nguyên cứu tìm tòi, sáng tạo làm chủ được công nghệ. Từ đó, tạo tiền đề vững chắc cho các giai đoạn sau phát triển mạnh mẽ. Sự xuất hiện của bao nung gốm vào thời Lý tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long là một đột phá lớn trong sản xuất gốm sứ của Đại Việt. Nó minh chứng cho tinh thần học hỏi, tự chủ trong kỷ nguyên “khẳng định một tinh thần phục hưng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, góp phần minh chứng tính chất đặc thù chuyên biệt của loại đồ gốm men dùng cho cung đình” (Nguyễn Đình Chiến 2012: 59-73). Bao nung thời Lý không chỉ là một trong những minh chứng quan trọng khẳng định sự tồn tại của lò “Quan” Thăng Long, một lò gốm chuyên sản xuất gốm men phục vụ cho cung đình, mà còn là tư liệu quý báu góp phần giải mã một số vấn đề về kỹ thuật sản xuất gốm thời Lý.

Từ thời Lý, Trần, Lê, sự xuất hiện của bao nung gắn liền với sự xuất hiện và phát triển mạnh mẽ của các trung tâm gốm sứ ở khu vực Bắc Việt Nam, trong đó trung tâm gốm Thăng Long là trung tâm lớn và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến các trung tâm gốm ở vùng ngoại vi. Mỗi thời kỳ, mỗi trung tâm sản xuất đều có các sản phẩm gốm nổi tiếng, đặc trưng và có mối quan hệ với nhau. Đặc biệt thế kỷ XV là giai đoạn phát triển mạnh mẽ của thủ công gốm sứ Đại Việt với sự xuất hiện của nhiều lò gốm cũng những dòng gốm nổi tiếng như: Men trắng in khuôn hoa văn thêu quang, men lam, hoa lam, gốm vẽ màu đất vàng trên men. Trong đó có một bộ phận không nhỏ tham gia vào mậu dịch thế giới với vai trò gốm xuất khẩu sang các nước Tây Á, Đông Nam Á và Đông Á.

### Chú thích:

Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, mã số NCKT/NV/2025-01 “Nghiên cứu bao nung gốm thời Lý - Trần tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long” do Viện Khảo cổ học Chủ trì thực hiện.

### TÀI LIỆU DẪN

- BÙI MINH TRÍ 2008. Thử bàn về đồ gốm ngự dụng trong Hoàng cung Thăng Long. Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Nhận diện giá trị khu di tích Hoàng thành Thăng Long sau 5 năm nghiên cứu so sánh (2004 - 2008)”. Tư liệu Viện Khảo cổ học: 140-158.
- BÙI MINH TRÍ 2012. Gốm Việt Nam thời Lý. Trong *Khảo cổ học*, số 1: 69 -74.
- BÙI MINH TRÍ 2022. Đồ gốm sứ ngự dụng trong Hoàng cung Thăng Long thời Lê sơ. *Kinh thành cổ Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 10-41.

- BÙI MINH TRÍ - KERRY NGUYỄN - LONG 2001. *Gốm hoa lam Việt Nam (Vietnamese Blue & White Ceramics)*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- BÙI MINH TRÍ, NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN 2004. Đồ gốm sứ di tích Hoàng thành Thăng Long. *Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học*. Viện Khảo cổ học: 92-97.
- BÙI MINH TRÍ, NGUYỄN THỊ HỒNG LÊ, LÊ THỊ BÌNH 2015. Báo cáo kết quả khai quật di chỉ gốm Chu Đậu năm 2014. Tư liệu Viện Nghiên cứu Kinh thành.
- ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THU, quyển 1. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 1993.
- NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN 2012. Đồ gốm men thời Lý - Trần tìm được trong khu vực thành Thăng Long lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia và Bảo tàng Hà Nội. Trong *Thông báo khoa học*, số 1: 59-73.
- NISHINO NORIKO, NISHIMURA MASANARI 2001. Niên đại, kỹ thuật và vai trò gốm sứ của di tích Cồn Chè, Cồn Thịnh (huyện Mỹ Lộc, Nam Định). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2000*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 552-554.
- VIỆN DI TÍCH VĂN HÓA VÀ KHẢO CỔ HỌC CHIẾT GIANG, khoa Khảo cổ học và Bảo tàng thuộc Đại học Bắc Kinh, Bảo tàng tỉnh Chiết Giang 2015. *Khu lò gốm Fengdongyan ở Dayao, Longquan, tập 1*. Nxb. Bảo tàng tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc, tr 153, 511.
- <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0168583X16302531>. *Study on the property of the production for Fengdongyan kiln in Early Ming dynasty by INAA and EDXRF*.

## LÝ DYNASTY CERAMIC SAGGARS FROM THE 11TH TO 13TH CENTURIES DISCOVERED AT THE THĂNG LONG IMPERIAL CITADEL

PHẠM THỊ OANH

Archaeological discoveries at the Thăng Long Imperial Citadel site have provided valuable insights. Alongside architectural structures and other types of artifacts, a large collection of ceramics has been unearthed. These ceramics, diverse in origin and form, reflect various aspects of the cultural and social life of the Thăng Long royal court across different historical periods. Among them, Vietnam ceramics constitute the largest proportion, produced at kilns in Thăng Long, Nam Định, Bát Tràng, Hải Dương, Bình Định. Research into their production origins has yielded important scientific insights.

In addition to ceramic household items and utensils, archaeologists have uncovered numerous kiln wasters, spacers, saggars, turnable fragments, and defective pieces. These finds provide crucial evidence for identifying the origins of the ceramics at the site. Comparative analysis of high quality ceramics - distinguished by unique materials, techniques, and decorative patterns - and pieces attached to saggars, kiln wasters, and molds demonstrates a clear connection to their provenance. These findings provide vivid evidence of the existence of the Thăng Long 'Quan' kiln, a facility that specialized in producing ceramics for the aristocracy. Among the production tools uncovered at the site, ceramic saggars are the most abundant, dating from the Lý, Trần, and early Lê dynasties, which indicates the kiln's continuous operation. The Lý dynasty saggars (11th–13th centuries), notable for their variety of forms and distinctive characteristics, reflect a significant advancement in ceramic production techniques. The appearance of saggars marks the beginning of glazed ceramics, with many high quality products rivaling those of China's Song dynasty and opening a new chapter in the history of Vietnamese ceramics. This is a valuable source that contributes to decoding some issues about the origin and production techniques of Lý dynasty ceramics. Research on Lý dynasty saggars at the site is a new and attractive scientific issue but also faces many difficulties due to the lack of comparative sources. This represents a valuable source of evidence that helps clarify questions concerning the origins and production techniques of Lý dynasty ceramics.